

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẬP THẠCH  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Trung Thành  
2. Bà Trần Thị Kim Khuyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:**  
Ông Ngô Trường Út - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Trịnh Thùy L, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh V (có mặt)

**2. Bị đơn:** Anh Đỗ Đình T, sinh năm 1992

Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh V. Hiện đang chấp hành án tại đội 30, phân trại 1, trại giam T (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 08/3/2022 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Trịnh Thùy L trình bày: Chị và anh Đỗ Đình T kết hôn vào ngày 18/4/2014, có tìm hiểu, có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Kết hôn xong chị về chung

sống cùng gia đình anh T. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T chơi bời cờ bạc, không chăm lo cho vợ con, thường xuyên đánh đập chị. Đến tháng 01/2021, anh T bị bắt về tội buôn bán pháo và bị Tòa án nhân dân huyện Sông Lô xử phạt 8 năm 9 tháng tù, đang chấp hành án tại trại giam T. Chị và anh T ly thân nhau từ tháng 12/2019 cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị xin được ly hôn anh T.

Con chung: vợ chồng chị có 02 con chung là Đỗ Trịnh Hà M, sinh ngày 10/11/2014 và Đỗ Trịnh Gia K, sinh ngày 05/02/2017 (cháu M đang ở cùng chị; cháu K đang ở cùng mẹ đẻ anh T). Ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T đóng góp nuôi con chung cùng.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Đình T tại phiên tòa vắng mặt do anh đang chấp hành án tại trại giam T. Tuy nhiên, tại Bản tự khai ngày 05/05/2022 và ngày 11/5/2022, anh T trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn như chị L trình bày là đúng. Kết hôn xong, chị L về chung sống cùng gia đình anh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Đến năm 2019, anh và chị L ly thân nhau cho đến nay. Nay chị L xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Con chung: như chị L trình bày là đúng. Ly hôn, anh đồng ý để chị L trực tiếp nuôi con.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh T đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt anh, lý do: anh đang chấp hành án tại trại giam Tân Lập.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án, giải quyết cho chị L được ly hôn anh T; con chung: giao cho chị L trực tiếp nuôi 02 con chung. Xác nhận việc chị L không yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi con chung cùng là hoàn toàn tự nguyện; tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; án phí: chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Trịnh Thùy L và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và gia đình là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn trong vụ án là anh Đỗ Đình T có địa chỉ cư trú tại xã L, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn anh Đỗ Đình T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng anh T đã có đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Đỗ Đình T nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trịnh Thùy L và anh Đỗ Đình T là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T chơi bời, không chịu khó làm ăn, không quan tâm, chăm sóc gia đình, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng; vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau và ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn xin ly hôn anh T, anh T cũng nhất trí ly hôn.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng chị L và anh T đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc gia đình và làm cho cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chị L xin ly hôn anh T là có căn cứ, cần

được chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Việc chị L và anh T thống nhất sau khi ly hôn để chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung là hoàn toàn tự nguyện. Hơn nữa, trường hợp giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cũng không đảm bảo điều kiện chăm sóc, vì hiện nay anh T đang chấp hành án tại trại giam T theo Bản án của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, cần giao cho chị L trực tiếp nuôi con chung là cháu Đỗ Trịnh Hà M, sinh ngày 10/11/2014 và cháu Đỗ Trịnh Gia K, sinh ngày 05/02/2017 (cháu M đang ở cùng chị L; cháu K đang ở cùng mẹ đẻ anh T), chị L không yêu cầu anh T đóng góp nuôi con chung cùng là hoàn toàn tự nguyện cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Về Hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thùy L được ly hôn anh Đỗ Đình T.

[2] Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thùy L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Đỗ Trịnh Hà M, sinh ngày 10/11/2014 và cháu Đỗ Trịnh Gia K, sinh ngày 05/02/2017. Anh T không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị L.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

[3] Án phí: Chị Trịnh Thùy L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0006195 ngày 04/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Lê Thị Nga**